

Bản án số: 02/2023/HNGĐ - PT

Ngày 11 - 01 - 2023

V/v “Ly hôn, tranh chấp chia tài  
sản chung khi ly hôn”

## NHÂN DANH

### NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

#### TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

**- Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Phi Long

*Các Thẩm phán:* Ông Trương Quyết Thắng

Ông Lương Văn Đài

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thu Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/12/2022 và ngày 11/01/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 05/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21/10/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn”. Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2022/QĐ-PT ngày 05/12/2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 46/2022/QĐ-PT ngày 21/12/2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Văn Thị Yến L

Địa chỉ: Số nhà 35A, ngõ 139, đường N, phường T, quận C, thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

**2. Bị đơn:** Ông Võ Văn S (Tên gọi khác: Võ Đại S)

Địa chỉ: Số nhà 069, phố X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Có mặt tại phiên tòa.

**3. Người kháng cáo:** Nguyên đơn bà Văn Thị Yến L; Bị đơn ông Võ Văn S (Tên gọi khác: Võ Đại S)

## NỘI DUNG VỤ ÁN

### *Nguyên đơn bà Văn Thị Yến L trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S chung sống với nhau như vợ chồng năm 1993, đến ngày 13/12/2016 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn S, huyện S, tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì mâu thuẫn phát sinh, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về tính cách, quan điểm sống, ông S không chung thủy có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, thường xuyên ngược đãi, đánh chửi bà. Bà L đã nhẫn nhịn để tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng, nuôi dạy các con. Ngày 13/9/2020 vợ chồng xô sát, bà L đã ra ngoài thuê nhà để sống một thời gian, được sự đồng viên của gia đình, bạn bè bà L trở về chung sống cùng ông S, nhưng cuộc sống vợ chồng không được cải thiện. Tháng 10/2021, ông S đánh bà L phải đi điều trị tại bệnh viện từ đó bà L và ông S sống ly thân không quan tâm gì đến nhau. Nay bà L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Võ Văn S.

Về con chung: Quá trình chung sống bà và ông Võ Văn S có 02 con chung là Võ Văn Đại H, sinh ngày 17/7/1994 và Võ Đại H, sinh ngày 06/7/2004. Khi bà L khởi kiện xin ly hôn cháu Võ Đại H chưa đủ 18 tuổi, bà yêu cầu được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu H, nay cháu đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường, bà không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Võ Văn S có tạo dựng được khối tài sản chung gồm:

+ 01 Ngôi nhà 6 tầng gắn liền với đất tại địa chỉ: Số 069 đường X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt: GCNQSDĐ) số BA 867010 do UBND huyện S cấp ngày 27/2/2010 mang tên chủ sử dụng đất là ông Võ Văn S và bà Văn Thị Yến L. Theo kết luận số 01/HĐĐG ngày 01/7/2022 của Hội đồng định giá thị xã S cả nhà và đất có giá trị là 9.382.188.972 đ (*Chín tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng*).

+ 01 Thửa đất tại địa chỉ ngõ H, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai, theo GCNQSDĐ số AĐ 579190 mang tên chủ sử dụng đất là ông Võ Văn S và bà Văn Thị Yến L. Có giá trị là 5.695.000.000đ (*năm tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng*).

Tổng giá trị tài sản chung là 15.077.188.972đ (*Mười lăm tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng*). Khi ly hôn bà L yêu cầu Tòa án giải quyết mỗi người được hưởng  $\frac{1}{2}$  giá trị tài sản: Cụ thể bà có nguyện vọng được sử dụng, sở hữu đất và nhà tại địa chỉ số 069 phố X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Ông Võ Văn S được sử dụng thửa đất tại ngõ H, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Bà L trả tiền chênh lệch về giá trị tài sản cho ông Võ Văn S số tiền là 4.500.000.000đ (*Bốn tỷ, năm trăm triệu đồng*).

Về công nợ chung: Bà L và ông S có không có khoản nợ nào chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **Bị đơn ông Võ Văn S trình bày:**

Ông S nhất trí với lời trình bày của bà Văn Thị Yến L về thời gian, điều kiện, hoàn cảnh kết hôn và con chung, số lượng và giá trị tài sản chung. Về tình cảm vợ chồng ông S cho rằng từ khi chung sống đến nay vợ chồng ông bà vẫn hòa thuận hạnh phúc, tuy có mâu thuẫn nhưng không lớn, vợ chồng luôn quan tâm, bàn bạc với nhau về làm ăn kinh doanh, phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy các con, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ông và bà L bàn bạc cho thuê nhà, thay đổi người đứng tên trong giấy phép kinh doanh, chụp ảnh chung với con. Bà L có tính đồng bóng, nghe người xấu kích động nên khai rằng ông không chung thủy với bà L, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác và thường xuyên ngược đãi đánh chửi bà L, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân là không đúng. Thực tế bà L về Hà Nội là ở với con, vợ chồng ông vẫn liên lạc, quan tâm đến nhau. Vì vậy, ông S không nhất trí ly hôn với bà L vì vợ chồng ông mâu thuẫn không lớn, có khả năng khắc phục được, ông rất thương vợ và các con. Ông S đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn khởi kiện ly hôn của bà L để vợ chồng đoàn tụ.

Về tài sản nêu phải ly hôn ông S đề nghị Tòa án giải quyết chia thành 04 phần ông S được hưởng  $\frac{3}{4}$  giá trị tài sản, bà L được hưởng  $\frac{1}{4}$  giá trị tài sản chung. Bởi lẽ bà L hay ốm đau, bệnh tật phải đi điều trị tại các bệnh viện, không chịu khó làm ăn kinh doanh hay bỏ nhà đi chơi, không đóng góp được nhiều trong việc tạo dựng khối tài sản chung. Ông có nguyện vọng được sử dụng và sở hữu đất và nhà tại số nhà 069, X, tổ 4, phường S, thị xã S tỉnh Lào Cai, vì hiện ông S đang đăng ký kinh doanh nghề tại ngôi nhà này. Bà L sử dụng thửa đất tại địa chỉ ngõ H, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai. Phần giá trị tài sản chênh lệch đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 213, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 29, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 59, Điều 62 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 157 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Văn Thị Yến L được ly hôn ông Võ Văn S, tên gọi khác (Võ Đại S).

2. Về con chung: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Văn Thị Yến L về yêu cầu giải quyết tranh chấp nuôi con khi ly hôn.

3. Về chia tài sản khi ly hôn:

Ông Võ Văn S được sở hữu Ngôi nhà 6 tầng xây dựng trên thửa đất có tổng diện tích là 44,9m<sup>2</sup> trong đó có 31,5m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 867010 do UBND huyện

S cấp ngày 27/2/2010 mang tên chủ sử dụng đất là ông Võ Văn S và bà Văn Thị Yến L và 13,4m<sup>2</sup> đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Nhà và đất tại địa chỉ: Số 069 phố X, tổ 4, phường S, thị xã S, tỉnh Lào Cai, có giá trị là 9.382.188.972 đ (*Chín tỷ, ba trăm tám mươi hai triệu, một trăm tám mươi tám nghìn, chín trăm bảy mươi hai đồng*). Ông Võ Văn S có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản được hưởng cho bà Văn Thị Yến L là 1.843.594.486 đ (*Một tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*).

Bà Văn Thị Yến L được sử dụng thửa đất tại địa chỉ ngõ H, tổ 4, phường S thị xã S, tỉnh Lào Cai, có diện tích thực tế là 227,8 m<sup>2</sup> trong đó 200m<sup>2</sup> đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 579190 do UBND huyện S cấp ngày 17/12/2007 mang tên chủ sử dụng đất là ông Võ Văn S và bà Văn Thị Yến L. Có giá trị là 5.695.000.000đ (*Năm tỷ, sáu trăm chín mươi lăm triệu đồng*) và sở hữu số tiền 1.843.594.486đ (*Một tỷ, tám trăm bốn mươi ba triệu, năm trăm chín mươi tư nghìn, bốn trăm tám mươi sáu đồng*) do ông Võ Văn S thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản chung.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, về án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 30/9/2022, Nguyên đơn bà Văn Thị Yến L có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm về phân chia tài sản chung khi ly hôn, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm định giá lại khối tài sản cho đúng với giá trị thực tế, chia đôi khối tài sản chung của vợ chồng theo giá trị thực tế.

Ngày 23/9/2022, Bị đơn ông Võ Văn S có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết hủy bản án sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Nguyên đơn bà Văn Thị Yến L và bị đơn ông Võ Văn S (tên khác: Võ Đại S) đều thống nhất thỏa thuận, nhất trí hàn gắn tình cảm vợ chồng để đoàn tụ với nhau và yêu cầu Tòa án công nhận sự thỏa thuận của ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lào Cai phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký tòa án đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét thấy thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ, toàn diện các chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Văn Thị Yến L và bị đơn ông Võ Văn S có đầy đủ nội dung theo quy định pháp luật, nộp trong hạn luật định là hợp lệ nên được xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Văn Thị Yến L cho rằng hôn nhân giữa bà với ông Võ Văn S đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S, chia tài sản chung vợ chồng khi ly hôn theo quy định của pháp luật. Bị đơn ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) cho rằng giữa ông và bà L mặc dù có mâu thuẫn nhưng không lớn, ông bà vẫn quan tâm đến nhau, gia đình hòa thuận, hạnh phúc nên không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Văn Thị Yến L có ý kiến về việc nếu ông Võ Văn S cam kết thay đổi, tôn trọng, không có những hành động, lời nói xúc phạm bà, có trách nhiệm với vợ và các con thì bà sẽ nhất trí cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm gia đình, vợ chồng. Ông Võ Văn S cam kết sẽ không có bất kỳ hành động, lời nói nào xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà L, tôn trọng quyền tự do đi lại của bà Văn Thị Yến L và mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ gia đình, cùng nhau chăm lo cho con cái.

Sau khi được Hội đồng xét xử tiến hành hòa giải, bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S đã thống nhất thỏa thuận với nhau đề nghị Tòa án không giải quyết về việc yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn giữa ông bà nữa và nhất trí cùng giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn tình cảm để vợ chồng đoàn tụ với nhau, cùng nhau chăm lo cho gia đình, con cái.

Hội đồng xét xử xét thấy thỏa thuận giữa bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S là hoàn tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Cụ thể như sau: Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) đều nhất trí tự giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ với nhau.

[3] Về chi phí tố tụng:

Bà Văn Thị Yến L tự nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản trong quá trình giải quyết vụ án. Xác nhận bà Văn Thị Yến L đã nộp đủ số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết đối với khoản tiền chi phí tố tụng này.

[4] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Bà Văn Thị Yến L phải chịu tiền án phí ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm có giá ngạch do đã thống nhất đoàn tụ, không yêu cầu giải quyết chia tài sản chung khi ly hôn.

Về án phí phúc thẩm: Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) phải chịu án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Điều 300, Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 11/2022/HNGĐ-ST ngày 15/9/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai như sau:

Công nhận sự thỏa thuận của Nguyên đơn bà Văn Thị Yến L và Bị đơn ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) như sau:

Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S thống nhất hàn gắn tình cảm vợ chồng, đoàn tụ với nhau.

2. Về án phí:

Về án phí sơ thẩm:

Bà Văn Thị Yến L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn. Xác nhận bà Văn Thị Yến L đã nộp 62.800.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AC/2012/0000971 ngày 23/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai. Trả lại cho bà Văn Thị Yến L số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại sau khi trừ đi số tiền án phí ly hôn phải chịu là 62.500.000 đồng (*Sáu mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) không phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) phải chịu tiền án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm mỗi người số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Xác nhận bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) đã nộp mỗi người số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo các Biên lai thu tạm ứng án phí ký hiệu

AC-21P, số 0005033 ngày 11/10/2022 và số 0005022 ngày 03/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sa Pa. Bà Văn Thị Yến L và ông Võ Văn S (Tên khác: Võ Đại S) đã nộp đủ tiền án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Lào Cai (2);
- TAND thị xã Sa Pa;
- Chi cục THADS thị xã Sa Pa;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Phi Long**